

MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC PHOIBẮC VÀ TRIẾT HỌC CỦA TRƯỜNG PHÁI HÊGEN TRẺ

NGUYỄN KIM LAI (*)

LPhoibắc giữ một vị trí đặc biệt trong triết học Đức thời kỳ hậu Hêgen. Triết học Phoibắc, một mặt, là sự kế tục trường phái Hêgen; mặt khác, đánh dấu một sự "chệch hướng" khỏi dòng chảy chung của triết học Đức mà chúng ta vẫn quen gọi là chủ nghĩa duy tâm cổ điển Đức (mặc dù, ở đây, cũng cần lưu ý tới tính chất mâu thuẫn và những mầm mống trái ngược nhau trong triết học Cantơ). Chính vì vậy, chỉ có trên cơ sở làm sáng tỏ mối liên hệ của triết học Phoibắc với trường phái Hêgen, chúng ta mới có thể hiểu được những điểm mới mẻ mà Phoibắc đã đóng góp cho trường phái triết học này và qua đó, vạch ra được ảnh hưởng của triết học Phoibắc đến tư tưởng triết học sau đó, cụ thể là triết học Mác. Nhưng, thực tế này đòi hỏi chúng ta ít nhất cũng phải trình bày khái quát trường phái Hêgen với tư cách *cái nôi* mà triết học Phoibắc đã ra đời và phát triển trong đó.

Lịch sử trường phái Hêgen ở Đức kéo dài không lâu - những năm 30 - 40 của thế kỷ XIX. Cuối những năm 30 của thế kỷ XIX, sự chia rẽ của trường phái này thành phái Hêgen già và phái Hêgen trẻ đã xuất hiện. Chính phái Hêgen trẻ đã xét lại hàng loạt luận điểm triết học của Hêgen trong cuộc luận chiến với phái Hêgen già. Lập trường triết học của các đại diện tiêu biểu cho trường phái Hêgen trẻ đã được xác lập vào những năm 40 của thế kỷ XIX. Xét về hàng loạt dấu hiệu, các lập trường này là gần gũi với nhau.

Những thành tựu triết học đáng kể nhất của B.Bauơ, L.Phोibắc, M.Stiécơ, M.Ghessơ và của C.Mác trẻ tuổi đều có định hướng triết học ít nhiều giống nhau. Chính điều này đã lý giải vì sao cuộc luận chiến giữa các nhà lý luận này nhằm chứng minh tính độc đáo của mình luôn diễn ra một cách gay gắt.

Vậy, những đặc điểm đặc trưng cho triết học Hêgen trẻ là gì? Trường phái này bắt đầu tích cực bộc lộ mình ngay từ năm 1838. Nó hợp nhất thành một cộng đồng không chính thức, trong đó tất cả đều theo dõi sát sao công việc chung và cùng nhau chống lại kẻ thù chung. Cộng đồng này có tạp chí riêng do A.Rugơ sáng lập và tồn tại cho đến khi bị cấm vào năm 1844, khi C.Mác đã trở thành đồng tổng biên tập *Niên giám Đức - Pháp*. Cũng từ năm 1838, L.Phोibắc đã bắt đầu sự đoạn tuyệt thực sự của mình với triết học Hêgen và xây dựng nhân học duy vật hay "triết học về con người" từ lập trường quay lại với tự nhiên và với những cảm nhận trái ngược với chủ nghĩa siêu duy lý và tư biện của Hêgen. Và, cũng vào năm 1838, trong cuộc tranh luận với Đ.Stơrauxơ, B.Bauơ đã xuất bản cuốn sách dành cho việc phê phán Cơ đốc giáo sơ kỳ và định hướng vào triết học phê phán hay triết học với tư cách sự phê phán. Từ đây, sự phê phán theo nghĩa đặc biệt được tuyên bố là công việc cơ bản của triết học.

Chúng ta đều biết, triết học phê phán

(*) Nghiên cứu viên, Viện Triết học.

là tên gọi dành riêng cho triết học Cantơ. Đối với Cantơ và trường phái Cantơ thì chủ nghĩa chống phê phán là chủ nghĩa giáo điều. Ph.Selinh đã làm sáng tỏ lưỡng đề này trong *Những bức thư về chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa phê phán*. Nhưng, các môn đệ của Hêgen đã đưa ra quan niệm mới về sự phê phán và đưa cái phê phán vượt ra khỏi khuôn khổ của nhận thức luận; họ coi chủ nghĩa chống phê phán không hẳn đã là chủ nghĩa giáo điều, mà là thứ chủ nghĩa lấy mọi cái hiện hữu, thực tồn làm đối tượng phê phán và coi sự phê phán là phương tiện cơ bản để thực hiện "tính phủ định" - cái mà Hêgen gọi là sự bất định, là cái mang trong mình năng lượng cải biến mọi cái cổ hủ và trì trệ. Như vậy, có thể nói, khác với định hướng của Cantơ, "triết học phê phán" của phái Hêgen trẻ không hàm ý chỉ một thứ triết học thực chứng nào mà ngược lại, với tinh thần phủ định tuyệt đối, nó cho rằng, tự ý thức triết học cần phải "thieu đốt" tất cả những gì là cổ hủ và ổn định, dù cho đó là thực tại hay tinh thần. Và, với định hướng này, từ năm 1840, hoạt động triết học của phái Hêgen trẻ ngày càng mang tính chính luận và cấp tiến hơn và ở họ, chủ nghĩa vô thần và việc phê phán tôn giáo đã trở thành những đặc điểm đặc trưng.

Sự xuất hiện *Kẻ duy nhất và sở hữu của nó* của M.Stiécơ vào năm 1845 đã trở thành một sự kiện quan trọng đối với sự tồn tại tiếp theo của trường phái Hêgen trẻ. Tác phẩm này đã gây ra một cuộc tranh luận dữ dội, nhưng vẫn được đa số các nhà triết học thuộc phái Hêgen trẻ coi là thành tựu lớn cuối cùng của trường phái. Ở tác phẩm này, M.Stiécơ đã giải thích rõ một số tiền đề và hậu quả quan trọng của triết học Hêgen, làm rõ những hạn chế về mặt triết học trong đạo đức học Phoiơbắc và trong "sự phê phán mang tính chất phê phán" của B.Bauơ, đồng thời vạch trần các ảo tưởng chính trị và xã

hội của thời đại. Tất cả những vấn đề này và nhiều vấn đề khác nữa đã quyết định ảnh hưởng của M.Stiécơ trong sự hình thành tư tưởng của phái Hêgen trẻ.

Như vậy, có thể nói, phái Hêgen trẻ đã có kỳ vọng xây dựng triết học phê phán, và như chúng tôi đã nói ở trên, được B.Bauơ đề xướng, khuynh hướng này đã được nhiều nhà triết học thuộc trường phái ủng hộ theo những cách lý giải khác nhau. Tuy nhiên, L.Phoiơbắc, M.Stiécơ và C.Mác đã đưa ra những quan niệm riêng về nhiệm vụ, khả năng và giới hạn của triết học phê phán, về lập trường xuất phát và phương pháp phê phán. Thêm vào đó, mỗi nhà triết học này lại áp dụng, kết hợp các quan niệm đó theo các cách khác nhau và với những định hướng cũng khác nhau. Mặc dù vậy, ở họ vẫn có một điểm chung trong định hướng phê phán. Đó là:

Thứ nhất, phái Hêgen trẻ đã mở rộng dần lĩnh vực phê phán triết học. Bắt đầu từ việc phê phán tôn giáo, họ hướng dần đến các lĩnh vực chính trị, pháp luật, đạo đức và giáo dục. Đây là một quá trình mang tính hai mặt. Bước chuyển dần từ sự phê phán về mặt triết học lịch sử và triết học tôn giáo sang chính luận không đòi hỏi cao về mặt triết học đã diễn ra ở đây. Phái Hêgen trẻ chủ trương tác động đến xã hội theo hướng tương đối cấp tiến và do vậy, họ coi việc mở rộng đề tài và đối tượng phê phán là quá trình mang tính chất tự nhiên nhằm đem lại cho chủ nghĩa phê phán triết học một tư liệu kinh nghiệm cụ thể, tức là tiếp cận đến những thực tại xã hội của thời đại. Đồng thời, họ cũng chủ trương thay đổi và làm dịu bớt quan niệm cổ điển của I.Cantơ về chủ nghĩa phê phán triết học, về thực chất của thái độ phê phán triết học đối với hiện thực và sự đối lập của nó với phương pháp triết lý mang tính thực chứng - biện hộ.

Thứ hai, việc quan tâm lớn như vậy đến sự phê phán đã được bổ sung bằng

việc gắn sự phê phán với thực tiễn triết học. Khác với Hêgen, các nhà triết học thuộc phái Hêgen đã cố gắng đạt tới một sự tác động mạnh mẽ nhất và trực tiếp đến xã hội về mặt chính trị. Họ đã không đơn giản phóng đại ý nghĩa và hiệu quả của tri thức triết học, mà còn tìm kiếm phương tiện để tăng cường ý nghĩa và hiệu quả ấy. Khát vọng này báo trước rằng, ảnh hưởng của Cơ đốc giáo và của các tôn giáo khác sẽ thay đổi. Rằng, ngày tàn của tôn giáo đã điểm và qua đó, mở ra khoảng không mới cho những định hướng sinh hoạt thực tiễn và những điều tiết đạo đức, xã hội của khối đông quần chúng. Và, phái Hêgen trẻ đã dựa vào học thuyết của các nhà xã hội chủ nghĩa Pháp để thực hiện khát vọng này. Do vậy, những suy ngẫm về triết học và về quan hệ của nó với cuộc sống thực tiễn đã nhanh chóng gắn kết với việc phân tích các trào lưu, phong trào hoạt động và tổ chức thực tiễn. C.Mác, M.Stiécơ và cả L.Phoiơbắc ở một mức độ nào đó đã tiếp nhận tư tưởng hợp nhất sự phê phán triết học Đức với các tư tưởng của định hướng xã hội chủ nghĩa Pháp và qua đó, với tư tưởng xây dựng một thực tiễn triết học thật sự có hiệu quả - tư tưởng kêu gọi các nhà triết học tích cực thâm nhập vào lĩnh vực đời sống xã hội của khối đông quần chúng.

Chống lại xu hướng này, B.Bauơ cho rằng, lập trường lý luận của sự phê phán triết học phải là lập trường của giới tinh hoa. Bởi theo ông, việc thực tiễn triết học có được thính giả đại chúng sẽ làm tiêu tan lập trường triết học xuất phát. Rằng, sự phê phán là một động lực to lớn của lịch sử, nhưng điều đó chỉ diễn ra khi nó nằm trong tay những cá nhân có tư duy phê phán, trong tay giới tinh hoa tinh thần và khi mà sự tác động của sự phê phán đó không phải tới đại chúng, mà tới một nhóm ít người có uy tín và có khả năng lãnh hội các tư tưởng phê phán.

Chính vì vậy mà chỉ riêng B.Bauơ trở thành người ủng hộ đích thực "sự phê phán có tính phê phán". Phê phán lập trường triết học này của B.Bauơ, trong *Lời tựa của Gia đình thần thánh...*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ cái mà các ông "đấu tranh chống lại trong sự phê phán của Bauơ chính là tư biện tự tái sinh dưới hình thức biếm họa...", là biểu hiện hoàn chỉnh nhất của nguyên tắc *Cơ đốc giáo Đức* định giã giũa lần cuối cùng bằng cách biến bản thân "sự phê phán" thành một lực lượng siêu nghiệm để tự khẳng định mình⁽¹⁾.

Và, cuối cùng, *thứ ba - điều quan trọng nhất, phái Hêgen trẻ là cộng đồng các nhà triết học vô thần*. Thái độ đối với tôn giáo ở họ thể hiện không những trong những tìm tòi triết học, mà còn cả trong những nghiên cứu khoa học về Cơ đốc giáo sơ kỳ, về bản chất của tôn giáo. Phái Hêgen trẻ đã đạt được những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực này, đặc biệt là B.Bauơ và L.Phoiơbắc. Với các ông, việc nghiên cứu lịch sử tôn giáo là hữu ích theo nghĩa nó phát triển ý thức lịch sử, tính chất có phê phán của tư duy và thái độ thận trọng đối với hoạt động lý luận trừu tượng. Và, nhờ phân tích một cách có phê phán Cơ đốc giáo, các công trình nghiên cứu của phái Hêgen trẻ đã có được một quy mô lịch sử nhất định, mặc dù Cơ đốc giáo vẫn có những ảnh hưởng nhất định đến chủ nghĩa nhân đạo của L.Phoiơbắc, chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa cá nhân của M.Stiécơ và triết học xã hội của C.Mác.

Việc nghiên cứu khá sâu sắc những vấn đề về con người, về sự tha hóa và tự do của con người được coi là một thành tựu quan trọng của các nhà triết học thuộc trường phái Hêgen trẻ. Sau khi từ bỏ sự "che chở" của ý thức và đạo đức Cơ đốc giáo, các nhà

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.2. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995. tr.13.

triết học thuộc phái Hêgen trẻ đã có sự thể nghiệm triết học khá sâu sắc về tính cởi mở và tính không được bảo trợ của tôn tại đạo đức, cũng như bức tranh bi kịch về tiến trình lịch sử và một cách tương ứng, sự lý giải sắc bén về chức năng của cái ác xã hội. Đây cũng được coi là một sáng tạo triết học độc đáo của trường phái Hêgen, bởi nó cho thấy sự linh cảm và nhãn quan lịch sử quảng bá của họ.

Mặc dù chịu sự chi phối của nhiều quan điểm khác nhau, song các nhà triết học thuộc phái Hêgen trẻ đều thống nhất với nhau ở chủ trương coi *sự can thiệp tích cực về mặt thực tiễn vào công việc thế tục là nhiệm vụ của nhà triết học*, hay nói như C.Mác, đi theo con đường "phục vụ lịch sử". Con đường thâm nhập vào thực tiễn thế tục, vào những "xung đột của hiện thực" là "con đường nguy hiểm" đối với triết học, vì nó có thể làm cho triết học đánh mất tính khách quan lý luận của mình và bị biến thành thành tố của một hệ tư tưởng nào đó, tức của ý thức thực tiễn giả dối. Bị tiêu vong trong sự hoà hợp ấy, triết học có thể bị sử dụng cho các mục đích khác nhau, kể cả các mục đích tai hại.

Chính vì vậy, nếu chỉ xuất phát từ những đánh giá mang tính khái quát về tư tưởng triết học của phái Hêgen trẻ mà *triết học Phoiơbắc đã ra đời và phát triển trong đó*, chúng ta rất có thể đi tới một cái nhìn phiến diện về triết học Phoiơbắc đã từng thống trị một thời gian dài trong những tư liệu lịch sử triết học - đó là *sự đánh giá chỉ hoàn toàn xuất phát từ mối liên hệ giữa triết học Phoiơbắc và triết học Mác*. Ngoài ra, giá trị của triết học Phoiơbắc còn bị hạ thấp đáng kể do nó chỉ được liệt kê vào "lịch sử chủ nghĩa duy vật", với các nhà triết học tiền bối trực tiếp là các nhà Khai sáng vô thần thế kỷ XVIII. Chính điều này đã làm đơn giản hóa và tầm thường hóa triết học tôn giáo trong sự nghiệp sáng tạo của L.Phoiơbắc, 30

thậm chí còn xuyên tạc tư tưởng triết học không hề đơn giản này của ông. Đương nhiên, khi đánh giá di sản của một nhà tư tưởng thuộc loại kiệt xuất thì cần phải có các cách tiếp cận mới, cần phải sử dụng cả những thành tựu nghiên cứu của nhiều người về nhà tư tưởng ấy. Đối với L.Phoiơbắc cũng phải như vậy, bởi ông là một nhà tư tưởng kiệt xuất trong lịch sử triết học nhân loại.

Để làm rõ mối quan hệ giữa triết học Phoiơbắc và triết học của trường phái Hêgen trẻ, theo chúng tôi, *trước hết cần quan tâm tới quan niệm của Phoiơbắc về triết học, về quá khứ và hiện tại của nó, về sứ mệnh của nó trong xã hội và về quan hệ của nó với tôn giáo*.

L.Phoiơbắc cho rằng, trong thời đại mới - thời đại hậu Cơ đốc giáo, khi tôn giáo đang tiêu vong, vị trí của nó trong thế giới đang được giải phóng, thì nhiệm vụ của triết học là phải chiếm lấy vị trí đó. Và, để có được vị trí ấy, triết học cũng cần phải thay đổi bản thân mình; triết học không được phép trở thành sự phủ định giản đơn của tôn giáo. "Nếu triết học cần phải thay thế tôn giáo, - L.Phoiơbắc nhấn mạnh, - thì khi vẫn là triết học, phải trở thành tôn giáo và phải bao hàm trong mình - dưới hình thức tương ứng - những gì cấu thành bản chất của tôn giáo, những ưu điểm của tôn giáo"(2). Triết học mới không được đồng nhất với Cơ đốc giáo và triết học "ấu trĩ" cũ, mặc dù giữ lại những gì là tốt đẹp nhất của cả hai. Chuẩn xác hóa quan niệm của mình, L.Phoiơbắc gọi "*triết học - tôn giáo*" mới là *nhân bản học*, là "*triết học của tương lai*", và ông đã chỉ ra những nét đặc thù của nó về nội dung và hình thức.

Tư tưởng của L.Phoiơbắc về sự khắc phục tính độc lập tương đối của tôn giáo

(2) L.Phoiơbắc. *Tuyển tập các tác phẩm triết học*, gồm 2 tập, t.II. Mátxcova, 1955, tr.110.

và của triết học (bất chấp có sự tồn tại của triết học tôn giáo), cho đến nay, vẫn chưa và rất có thể là còn lâu mới được khẳng định về mặt lịch sử. Tuy nhiên, bản thân L.Phoiơbắc đã chỉ ra những sự khác biệt mang tính bản chất giữa triết học và tôn giáo và chính ông đã luận chứng cho sự khác biệt đó. Theo ông, cái mạnh của tôn giáo là hiệu quả thế giới quan của nó, là sự gắn gũi của nó với "trái tim", tình cảm và những biểu hiện nhân cách sâu xa của con người. Rằng, tôn giáo là dấu hiệu tộc loại của con người mà ở động vật không có. Cũng theo ông, triết học Hêgen cùng với việc sùng bái lý tính, nhận thức duy lý của nó chẳng qua chỉ là hình thức duy lý hoá của thần học. Rằng, triết học dường như là một "nội dung" của tôn giáo; nó cũng xuất phát từ những phương diện mang tính bản chất của ý thức con người và do vậy, triết học của tương lai cần phải hợp nhất trong mình cả tôn giáo lẫn triết học, trong khi phải loại bỏ những mặt yếu của cả hai.

Điểm yếu của triết học, theo L.Phoiơbắc, là sự tách rời của nó với "trái tim", sự xa rời theo lối "kiêu ngạo" với thế giới, là sự háo danh lý luận và do vậy, *triết học tương lai cần phải biến thành triết học thực tiễn*. Và, như chúng tôi đã nói ở trên, quan niệm này là quan niệm chung của phái Hêgen trẻ. Phát triển quan niệm này theo cách của mình, L.Phoiơbắc cho rằng, "triết học trước kia có hai chân lý: chân lý dành cho bản thân mình, - thứ chân lý không quan tâm đến con người - triết học, và chân lý dành cho con người - tôn giáo. Trong khi đó thì triết học mới với tư cách triết học chủ yếu về con người cũng là triết học dành cho con người. Triết học mới này một khi không đề cập tới ưu điểm và tính độc lập của lý luận, kể cả khi hoàn toàn nhất trí với lý luận, thì về thực chất, nó mang định hướng thực tiễn, - "thực tiễn" được hiểu

theo nghĩa tối cao của từ này; nó thay thế tôn giáo, bao hàm tôn giáo trong mình và thực sự là *bản thân tôn giáo*"(3).

Coi cái mạnh nhất của Cơ đốc giáo, cái cho phép tôn giáo này trở thành tôn giáo thế giới là dễ dàng đi vào "trái tim" con người, là đạo đức, L.Phoiơbắc khẳng định, *"triết học mới" cần phải tìm ra một hình thái mới nào đó của ý thức đạo đức*. Cố gắng tạo dựng hình thái ấy, khi xây dựng hệ thống triết học của mình, Phoiơbắc đã hướng nó đến cái mà ông gọi là "triết học của tương lai". Và, chính nội dung mới này của triết học Phoiơbắc đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến C.Mác.

Tiếp tục phát triển "triết học về con người" và lấy nó thay cho Cơ đốc giáo và triết học Hêgen, L.Phoiơbắc khẳng định rằng, con người là cái tối cao xét về phương diện giá trị, là giá trị tuyệt đối. Với quan niệm này, ông cho rằng, vấn đề mà triết học quan tâm không phải là những cá nhân riêng biệt, mà là bản chất của họ, là bản nguyên tộc loại của họ. Rằng, con người riêng biệt không phải là chiếc bình chứa mọi ưu điểm người, nhưng *con người với tư cách con người là con người mang tính thiện, con người thông thái và toàn năng vô hạn. Bản chất con người là bản thân con người*. Hoàn toàn không có con người mà không có những phẩm chất đạo đức (thiện, thông thái, toàn năng). Mọi phẩm chất trong con người đều là cao quý. Đời sống thể chất, tình cảm, tâm lý của con người hoàn toàn không kém phần quan trọng hơn so với lý tính. Và, điều quan trọng là con người sống trong sự giao tiếp tự nhiên với giới tự nhiên. Giới tự nhiên bên ngoài là cái rất gần gũi với bản tính con người, là cái phù hợp với bản tính ấy. Bản chất con người thể hiện một cách hoàn toàn hài hoà trong sự tồn tại của con người. Giữa con người và giới tự nhiên không có xung đột. Cuộc

(3) L. Phoiơbắc. *Sđd.*, t.II, tr.204.

sống của giới tự nhiên, các điều kiện của tồn tại người không xa lạ với bản chất con người, giữa chúng là một sự thống nhất sâu sắc.

Như vậy, theo quan niệm của L.Phoiobắc, con người luôn tồn tại trong sự thống nhất hài hoà với bản chất của nó, với những phẩm chất của nó và với giới tự nhiên bên ngoài. Sự thống nhất tối cao này trong con người thể hiện ở sự "lấp đầy đạo đức" vào sự hài hoà ấy, - sự hài hoà được hiện thực hóa thông qua mệnh lệnh, quy tắc tối cao đối với con người là bốn phạm đạo đức. Mệnh lệnh này, về thực chất, là sự đòi hỏi phải có thái độ đối với con người như đối với giá trị tối cao, với Chúa. *Con người có thái độ đối với bản thân như đối với Chúa khi nó nhận thấy cái thần thánh - Chúa ở trong người khác.* Nhận thấy Chúa, nhận thấy bản chất người ở tha nhân, ở người khác, con người thực hiện mối quan hệ với tôn giáo, với Chúa trong cuộc sống, trong ý thức đạo đức của bản thân mình. Cội Tình yêu của con người đối với Chúa là hình thái tối cao của ý thức tôn giáo, L.Phoiobắc đã gán cho Tình yêu này - Tình yêu với tư cách cái thống trị trong quan hệ của con người với Chúa - mục đích tộc loại. Khẳng định mục đích tộc loại trong Tình yêu, L. Phoiobắc coi Tình yêu lứa đôi - thứ Tình yêu sản sinh ra cả loài người, bao hàm trong nó cả Tình yêu con cái, Tình yêu với người thân trong gia đình, Tình yêu giữa Tôi và Anh - là Tình yêu thần thánh, tối cao, là "quan hệ đạo đức mà tự nó, là quan hệ tôn giáo đích thực"(4). Với quan niệm này, L.Phoiobắc cho rằng, quan hệ giữa người và người phải bao hàm trong nó quan hệ đạo đức này, quy tắc đạo đức siêu giá trị này và phải đưa nó vào "trái tim" của mọi người, lấy nó để thay thế cho ảnh hưởng của tôn giáo.

Như vậy, rõ ràng là, cũng như các nhà triết học thuộc phái Hêgen trẻ, những người mà như C.Mác và Ph.Ăngghen

nhận xét, đã "phê phán tất cả mọi cái, bằng cách thay thế mọi cái bằng những quan niệm tôn giáo hoặc tuyên bố rằng mọi cái là có tính thần học"(5), L.Phoiobắc đã xây dựng quan niệm của ông về con người và bản chất con người chủ yếu xuất phát từ việc tái lý giải một cách có phê phán các tư tưởng của Cơ đốc giáo. L.Phoiobắc chỉ gán cho con người những phẩm chất mà tôn giáo đã gán cho Chúa. Và, với ông, Chúa chẳng qua chỉ là bản chất bị tha hóa, được khách quan hóa của con người và "cái gọi là bản chất thần thánh không phải là cái gì khác ngoài bản chất con người đã được nhào nặn lại, được khách quan hoá và tách rời con người hiện thực"(6). Hay, nói cách khác, với ông, Chúa là hình ảnh đã được *mã hóa* bằng biểu tượng của những đặc tính và phẩm chất thuần túy người; nội dung và giá trị của ý thức tôn giáo, cơ sở cho tính hiện thực của nó trong lịch sử đều bắt nguồn từ chỗ thần thánh hoá con người và bản chất con người. Tuy nhiên, khác với các nhà triết học thuộc phái Hêgen trẻ, theo L.Phoiobắc, việc hiểu không đầy đủ về bản chất của tôn giáo, việc phê phán nó một cách không có luận cứ cũng có nghĩa là quy các hình ảnh và giá trị tôn giáo về các nguyên mẫu thế tục của chúng. Được tái lý giải như vậy theo nội dung của tôn giáo, nên bản chất con người mà Phoiobắc đưa ra chủ yếu mang nội dung đạo đức.

Ngay khi L.Phoiobắc đưa ra quan niệm của ông về tôn giáo "con người - Chúa", các nhà triết học thuộc phái Hêgen trẻ đã nhận thấy hạn chế trong triết học con người của ông. Hạn chế này, là ở chỗ, nội dung đạo đức của thứ triết học này có liên hệ quá mật thiết với cội nguồn xuất phát của nó là đạo đức Cơ đốc giáo. Điều đó được thể hiện ở, thứ nhất, quan niệm phiến diện về con người - bản chất tộc loại

(4) L. Phoiobắc. *Sdd.*, t.II, tr. 309.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.3, tr. 27.

(6) L. Phoiobắc. *Sdd.*, t.II, tr. 421.

của con người chỉ được gán cho những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, và giống như Chúa của Cơ đốc giáo, con người của L.Phoiobắc không có cái ác trong mình. Chính điều này đã tạo ra sự xa rời quá lớn giữa đạo đức học Phoiobắc với con người hiện thực và tồn tại của nó - tồn tại xã hội, tồn tại lịch sử. Và, thứ hai, việc đề cao con người một cách thái quá, việc thần thánh hoá con người đã tạo ra một cái nhìn siêu hiện thực, xa lạ về con người hiện thực mà theo đó, con người dường như là một lực lượng hay một giá trị siêu việt giống như Chúa. Đối với thế giới những con người riêng biệt, nơi mà tình yêu tồn tại bên cạnh lòng căm thù, sự thông thái - bên cạnh sự ngu dốt, thì khái niệm "con người" cùng với những phẩm chất của nó mà L.Phoiobắc khẳng định chỉ có thể được sử dụng để đánh giá và giám sát về phương diện đạo đức. Song, bản thân con người lại không có đủ sức mạnh siêu việt giống như Chúa để thực hiện chức năng này và cũng khó có thể chờ đợi tình yêu con người, thái độ tôn thờ con người ở những con người bình thường. Điều này cho thấy, nhân bản học và tư tưởng nhân đạo mà L.Phoiobắc đưa ra nhằm biến triết học, tôn giáo "con người - Chúa" thành "triết học thực tiễn" và nhằm loại bỏ đạo đức Cơ đốc giáo chỉ là một kỳ vọng vô căn cứ.

Mặc dù vậy, tư tưởng "con người - Chúa" của L.Phoiobắc vẫn trở nên rất phổ biến và ngay lập tức được các nhà triết học thuộc phái Hêgen trẻ lý giải theo những cách khác nhau. Ngay từ những năm 1843 - 1844, C.Mác và M.Stiécơ đã cố gắng giải quyết theo cách của riêng mình vấn đề con người khi cùng xuất phát từ quan điểm của L.Phoiobắc. Trong tác phẩm *Kẻ duy nhất và sở hữu của nó*, M.Stiécơ đã phát triển và luận chứng cho hình thức cá thể của "con người - Chúa" mà L.Phoiobắc đã đưa ra và sau khi ý thức được, khắc phục được sự tha hóa, cái Tôi cá biệt ở Stiécơ được giải

phóng và biến thành kẻ Duy nhất - chủ nhân của chính nó và của thế giới. Trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác đã đưa ra quan điểm giải phóng xã hội như là con đường cải biến loài người, xã hội loài người thành tổng thể những cá nhân với những quan hệ hoàn toàn có thể mang đặc trưng thần thánh theo nghĩa nhân đạo chủ nghĩa của L.Phoiobắc.

Nói về mối quan hệ giữa triết học Phoiobắc với triết học của phái Hêgen trẻ, C.Mác cho rằng, toàn bộ sự phê phán triết học ở Đức, từ Đ.Storauơ đến M.Stiécơ, đều "bó tròn" trong việc phê phán những quan niệm tôn giáo, quy những quan niệm siêu hình, chính trị, luật pháp, đạo đức và những quan niệm khác mà người ta cho là những quan niệm thống trị vào lĩnh vực những quan niệm tôn giáo hay thần học. Và, L.Phoiobắc khi "xuất phát từ sự thực là sự tha hóa về mặt tôn giáo, từ sự phân đôi thế giới thành thế giới tôn giáo, thế giới tưởng tượng, và thế giới hiện thực" đã "hoà tan thế giới tôn giáo vào cơ sở trần tục của nó", "hoà tan bản chất tôn giáo vào bản chất *con người*", xem xét tình cảm tôn giáo một cách độc lập với những cá nhân con người trừu tượng và do vậy, đã "không thấy rằng bản thân "tình cảm tôn giáo" cũng là *một sản phẩm xã hội* và cá nhân trừu tượng mà ông phân tích, trên thực tế, là thuộc một hình thức xã hội nhất định"(7). Đó là hạn chế của cả triết học Phoiobắc lẫn triết học của phái Hêgen trẻ. Song, với việc phê phán triết học tôn giáo một cách triệt để, bóc trần bản chất của Cơ đốc giáo trên cơ sở "quy mọi cái siêu nhiên về tự nhiên thông qua con người và quy mọi cái siêu nhân về con người thông qua tự nhiên", xây dựng "triết học của tương lai" từ lập trường duy vật nhân bản, L.Phoiobắc, như nhận xét của Ph.Ăngghen, đã đưa chủ nghĩa duy vật trở lại vị trí "ngôi vua" vốn có của nó trong lịch sử tư tưởng nhân loại.□

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.3, tr. 10,11.